

CƠ SỞ VĂN HOÁ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

Chương 1	Văn hóa học và văn học Việt Nam
Chương 2	Văn hóa nhận thức: Vũ trụ quan và nhân sinh quan người Việt
Chương 3	Văn hoá tổ chức cộng đồng
Phụ lục	Đáp số
	Các bảng giá trị phân phối
	Tài liệu tham khảo

VĂN HÓA HỌC VÀ VĂN HỌC VIỆT NAM

- I. VĂN HÓA HỌC LÀ GÌ ?
- II. VĂN HOÁ LÀ GÌ ?
 1. Bản chất của văn hoá
 2. Đặc trưng văn hóa
 3. Sơ đồ văn hoá theo G.Festistete
 4. Sơ đồ chức năng văn hóa theo Nguyễn Đăng Thục
 5. "Văn hoá" khác "văn minh" trong gốc từ Hán - Việt
 6. "Văn hoá" khác "văn minh" trong ngôn ngữ Ấn - Âu
- III. CẤU TRÚC CỦA HỆ THỐNG VĂN HÓA
- IV. LOẠI HÌNH VĂN HÓA
- V. TỌA ĐỘ CỦA VĂN HÓA VIỆT NAM
- VI. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM
- VII. TIỀN TRÌNH VĂN HÓA VIỆT NAM
 1. Thời kỳ văn hóa tiền sử - độc lập có thể phân thành hai giai đoạn
 2. Thời kỳ là giao điểm văn hóa Ấn Trung gồm
 3. Thời kỳ tiếp xúc với văn minh phương Tây

I. Văn hóa học là gì ?

Là khoa học nghiên cứu về văn hóa.

Thuật ngữ văn hóa học (Culturology) có nguồn gốc từ Cultur (văn hóa) và logy (khoa học). Thuật ngữ văn hóa học xuất hiện đầu tiên ở Châu Âu (bằng tiếng Đức) vào cuối thế kỷ thứ 19.

Ngành văn hóa học ra đời và trở thành một ngành khoa học độc lập có đối tượng nghiên cứu là văn hóa chỉ thực sự hình thành vào những năm 50 cuối thế kỷ 20, sau khi tác phẩm luận về văn hóa (Theory of culture của học giả L.White ra đời, năm 1949.

II. Văn hóa là gì ?

Là toàn bộ các giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo để làm cho cuộc sống mỗi ngày một đẹp hơn. (Văn hóa trong tiếng Hán Việt :

Có nghĩa là trở nên đẹp đẽ). Nói một cách giản dị nhất, đó là cách mà người ta sống và cách mà người ta suy nghĩ như định nghĩa của G.Festistete (What we do and what we think.).

1. Bản chất của văn hóa :

TOF

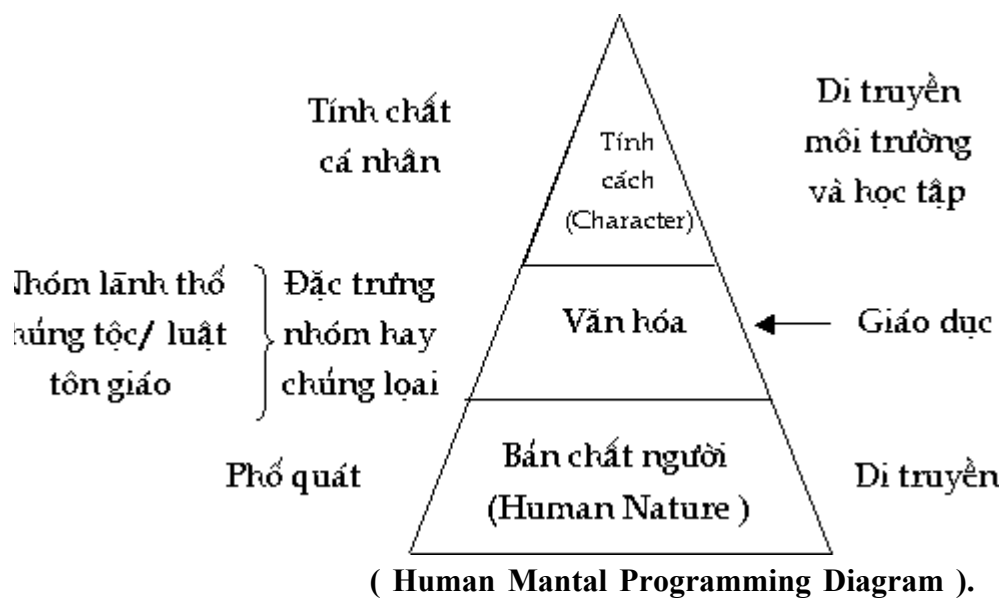
- Văn hóa hình thành từ việc học.(learned)
- Văn hóa mang đặc trưng nhóm hay chủng loại (Group or Category - Specific)
- Văn hóa không có tính cá nhân. (Individual - Specific)
- Văn hóa không có yếu tố di truyền. (Genetic)
- Văn hóa có cung bậc (Đô trưởng - đô thứ/ sol trưởng/ sol thứ) chứ không có cao thấp.

2. Đặc trưng văn hóa :

- Văn hóa là kết tinh của thiên tính và cá tính (Human nature/ Character).
- Văn hóa là cái đang là (Be being) chứ không phải là cái đã thành (Be).

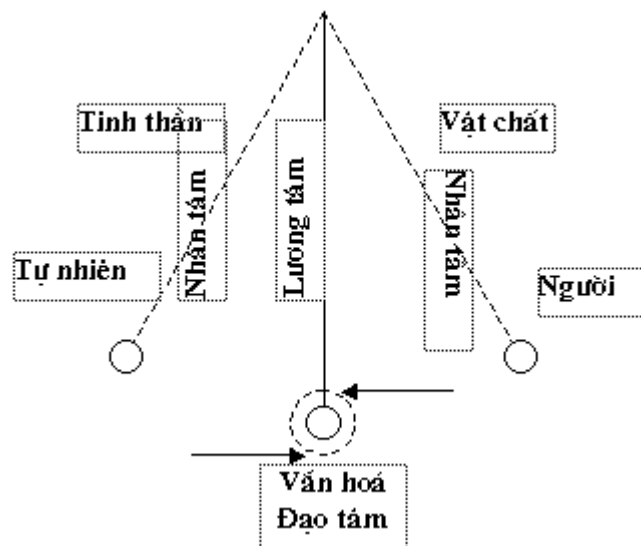
3. Sơ đồ văn hóa theo G.Festistete :

TOF



4. Sơ đồ chức năng văn hóa theo Nguyễn Đăng Thực.

TOF



Văn hóa là tất cả hoạt động của tinh thần nhân loại để hóa thành văn cuộc sống chung cũng như cuộc sống riêng của nhân loại. Mà sống là điều hòa thích ứng giữa hai thế lực : thế lực người với thế lực tự nhiên, thế lực tinh thần với thế lực vật chất, thế lực đạo tâm với thế lực nhân tâm. Nhân tâm là vật dục cho nên hay làm cho người mờ tối nghiêng ngã. Đạo tâm là thiên lý, là chính nghĩa. Hóa nhân tâm theo đường thiên lý chính nghĩa, đây là sứ mệnh của văn hóa. Nhờ có văn hóa ấy mà nhân loại đã còn là nhân loại, nghĩa là có tiến bộ khác với cầm thú chỉ biết thụ động theo hoàn cảnh mà thôi (Lịch sử triết học phương Đông, tập 1, trang 10).

5. "Văn hóa" khác "văn minh" trong gốc từ Hán - Việt :

TOF

- (văn hóa) Trở nên đẹp đẽ : chỉ chung tất cả công trình của con người, khiến cuộc sống được đẹp đẽ hơn.
- (văn minh) Đẹp đẽ sáng sủa : chỉ cái mức sinh hoạt sáng đẹp của những xã hội tiên bộ.

6. "Văn hóa" khác "văn minh" trong ngôn ngữ Ấn - Âu

VĂN HÓA(Culture)

VĂN MINH(Civilisation)

1. Có nguồn gốc từ xã hội nông nghiệp

1. Có nguồn gốc từ đô thị. (civitas : thành

(Culture : trồng trọt, canh tác)

2. Bản sắc Phương Đông nông nghiệp.
3. Bao gồm cả vật chất lẫn tinh thần, thiên về giá trị tinh thần.
4. Có tính dân tộc.
5. Có tính truyền thống (tiệm tiến)

phổ)

2. Bản sắc Phương Tây đô thị.
3. Thiên về giá trị vật chất - kỹ thuật.
4. Có tính quốc tế.
5. Có tính hiện đại (chỉ trình độ phát triển)

III. Cấu trúc của hệ thống văn hóa :

[TOP](#)

Như định nghĩa của G.Festistete, ta dễ dàng nhận thấy cấu trúc của văn hóa bao gồm hai phần.

1. Cái mà người ta suy nghĩ, tức VĂN HÓA NHẬN THỨC, gồm có nhận thức về vũ trụ (vũ trụ quan) và nhận thức về con người (nhân sinh quan).
2. Cái mà người ta sống, tức VĂN HÓA TỔ CHỨC ĐỜI SỐNG (gồm có tổ chức xã hội, vật chất, tinh thần và tâm linh).

IV. Loại hình văn hóa :

Văn hóa đa dạng, muôn màu muôn vẻ, thật khó có thể xác định cụ thể các loại hình. Tuy nhiên dựa vào đặc trưng thứ hai : đặc trưng nhóm hay chủng loại, ta có thể đồng ý với cách phân loại khái quát nhất của tác giả Lê Văn Siêu : Đó là văn hóa nông nghiệp và văn hóa du mục. Đồng thời dựa trên mô hình chuẩn của G.Festistete, ta có thể vạch ra các nét phân biệt sau :

	Tiêu chí	Loại hình nông nghiệp.	L/h du mục.
TỔ CHỨC ĐỜI SỐNG	1. Địa hình 2. Nghề chính. 3. Lối sống 4. Cơ cấu ăn 5. Chỗ ở 6. Mặc :	Đồng bằng (ảm, thấp) Trồng trọt. Định cư. Thiên về thực vật (ngũ cốc, rau, quả) Nhiều cây xanh, nhẹ chống nóng Nhẹ nhàng, mỏng, mềm	Đồng cỏ (khô, cao) Chăn nuôi. Du cư Thiên về động vật. (thịt, bơ, sữa) Kết cấu nặng chống rét. Cứng cáp, dày.
NHẬN THỨC	7. Quan hệ với tự nhiên. 8. Lối tư duy. 9. Khuynh hướng tư tưởng 10. Phương pháp luận. 11. Thiên hướng	Hòa hợp, trân trọng. Trực giác, chứng nghiệm khách quan (vô ngã) Tôn giáo, đạo học. Tổng hợp, qui nạp. Văn hóa/ tinh thần, giải thoát	Chế ngự, bóc lột. Duy lý, kinh nghiệm chủ quan. (hữu ngã) Triết học, khoa học, Phân tích, diễn dịch Văn minh, vật chất, thỏa mãn.

V. Toạ độ của văn hóa Việt Nam :

[TOP](#)

Thời gian : từ khởi thủy hình thành dân tộc đến nay.

Không gian :

a. **Vật chất : môi trường thiên nhiên Nam Á và Đông Nam Á** (ASEAN). Có núi, cao nguyên, bình nguyên châu thổ và duyên hải.

b. **Tinh thần : giao điểm của văn hóa Áun - Trung (Indochinois)**. Tên gọi Giao Chỉ đã hàm ý nghĩa đó. Về sau được gọi là Văn Lang (Hiền và Đẹp) rồi An Nam (một nước bình an ở phía Nam) : nơi mà các thiện tri thức của Ấn Độ và Trung Hoa đã mang nền văn hóa của mình đến và hòa nhập với văn hóa bản địa.

Chủ thể : nằm trong khu vực của trung tâm hình thành loài người phía đông. Bộ gờ (trồng đất, trồng đồng,

đàn đá) là đặc trưng của đại chủng Phương Nam. (Melanesien)

VI. Quá trình hình thành các dân tộc Việt Nam :

[TOP](#)

trải qua 4 giai đoạn.

1. Thời kỳ đồ đá giữa (khoảng 10.000 năm trước), chủng Mongoloid từ Tây Tạng Thiên đi về phía Đông Nam, tới Đông Dương thì dừng lại. Tại đây đã diễn ra sự hợp chủng lần thứ nhất : hình thành chủng INDONESIEN (Cổ La Mã) da ngăm, tóc quăn, tầm thước.

2. Đầu thời đại đồ đồng (khoảng 5000 năm trước), chủng Indonesien bản địa dưới sự tác động không ngừng của Mongoloid từ phía Bắc, hình thành chủng mới là CHŨNG NAM Á (Austro - Asiatique). Tuy nhiên các nét đặc trưng Mongoloid vẫn nổi trội nên nó còn được xếp vào ngành Mongoloid Phương Nam.

3. Chủng Nam Á (đã ổn định) chia tách thành một loạt các chủng tộc mà thư tịch cổ gọi là Bách Việt : Âu Việt, Mân Việt, Điền Việt, Lạc Việt, Đông Việt, Nam Việt....

4. Quá trình chia tách này tiếp tục diễn tiến, dần dần hình thành các dân tộc mà trong đó nhóm ngôn ngữ Việt - Mường ban đầu chung, rồi sau đó người Việt đã tách từ khối Việt - Mường hình thành dân tộc Việt. Đồng thời, bộ phận Indonesien dọc theo dãy Trường Sơn đổ vào phía Nam phân hóa thành Chăm, Raglai, Êđê, Giarai, Churu.... mà ngày nay ta vẫn còn tìm thấy những nét nhân chủng tương đồng của đại chủng Indonesien trong cư dân các dân tộc thiểu số miền cao nguyên Trung Việt với người Chăm, Malaysia, Indonesia....

VII. Tiến trình văn hóa Việt Nam :

Tiến trình văn hóa Việt Nam có thể được chia ra làm 3 giai đoạn lớn :

Tiến trình văn hóa Việt Nam có thể được chia làm ba giai đoạn lớn :

- 1- Thời kỳ văn hóa tiền sử độc lập
- 2- Thời kỳ văn hóa giao điểm Ấn Trung
- 3- Thời kỳ tiếp xúc với văn minh phương Tây

1. thời kỳ văn hóa tiền sử - độc lập có thể phân thành hai giai đoạn:

[TOP](#)

a. Văn hóa nguyên thủy với sự hình thành của nghề nông lúa nước là bước quyết định, khởi điểm quan trọng nhất của văn hóa Việt Nam. Nam Á và Đông Nam Á cũng chính là cái nôi của cây lúa nước mà chữ Hòa là cây lúa làm nền tảng cho chữ Hòa là hòa bình. Tập tục cúng cơm mới, cúng nếp mới... đã hình thành từ đây (ăn cơm mới nói chuyện cũ; Cơm tẻ là mẹ ruột; có thực mới vực được tạo...).

b. Văn hóa Văn Lang - Âu Lạc : nhà nước Văn Lang (với cương vực từ Bắc Trung Bộ tới Lưỡng Quảng) có một nền văn minh sớm. Sự sáp nhập của hai nhà nước Thục và Văn Lang đã làm tiền đề cho sự phát triển vững mạnh về mọi mặt : quân sự, chính trị, ngoại giao, canh nông, văn hóa ... Trống đồng, nô thần, các truyền thuyết về bánh chưng bánh dày, Trọng Thủy - Mỵ Châu, Sơn Tinh - Thủy Tinh, Chữ Đông Tử, sự tích Trầu Cau... đã phản ánh xác thực điều đó.

2. Thời kỳ là giao điểm văn hóa Ấn Trung gồm :

a. Thời giao lưu sâu sắc với văn hóa Ấn Độ.

Đây là một giai đoạn đặc biệt của văn hóa Việt Nam khi lần đầu tiếp xúc với văn hóa Ấn Độ qua các thương nhân người Ấn : phương pháp canh tác, thiên văn lịch pháp, y học...đặc biệt là đạo Phật do các nhà sư Ấn tháp tùng theo thuyền buôn và ở lại giao chỉ truyền đạo : tục lệ đốt hương, trầm thờ cúng, sùng bái hoa sen và đặc biệt là từ Bụt xuất hiện trong đời sống.

Đây là cột mốc quyết định hình thành trung tâm văn hóa Luy Lâu, cái nôi của văn hóa Việt Nam, đã ảnh hưởng sang cả Lạc Dương và Bành Thành của Trung Hoa.

b. Thời kỳ Bắc thuộc chịu ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa :

Từ năm 111, Giao Chỉ trở thành Giao Châu (một huyện của nhà Hán). Nguyên là nước Nam Việt của nhà Triệu (đã có tiếp xúc bước đầu với văn hóa Trung Hoa) sau được hai nhà văn hóa Tích Quang và Nhâm Diêm bổ sung : canh tác, cưới hỏi, tang ma...đây là thời kỳ nước ta gọi là Giao Chỉ Bộ. Chữ Hán được dạy rộng rãi trong tầng lớp trí thức và bắt đầu hình thành lớp Nho Sĩ bên cạnh những tầng sĩ bản xứ.

c. Thời kỳ chống Bắc thuộc kéo dài 1000 năm :

Cuối thời Âu Lạc sang thời Nam Việt, do phải đối phó với phương Bắc nền văn minh vừa mới sáng lên đã phải lui tắt. Tuy nhiên gốc rễ của nó cũng đủ kíp bắt sâu vào mảnh đất Hồng Bàng, tỏa khắp đất nước và liên tiếp những cuộc khởi nghĩa đã nổ ra chống lại sự đồng hóa của văn hóa Trung Hoa để bảo vệ nền văn hóa dân tộc, giành lại độc lập : Một ngàn năm Bắc thuộc đã hình thành nên tinh thần bất khuất và sức kháng

cự mãnh liệt, cả nghệ thuật chiến tranh giữ nước của các anh hùng dân tộc : Ngô Quyền, Lê Đại Hành, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung ...

d. Thời kỳ văn hóa Đại Việt :

Đây là đỉnh cao của văn hóa Việt Nam với sự thăng hoa của văn hóa Lý - Trần. Đây là thời kỳ tam giáo đồng nguyên mà vai trò quốc giáo của Đạo Phật đã sản sinh những tri thức lỗi lạc như Khuông Việt, Vạn Hạnh, Tuệ Trung Thượng Sĩ... và những vị anh quân hiền đức vào bậc nhất lịch sử như Lý Công Uẩn, Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông, Trần Nhân Tông và các danh tướng đuổi Tống, phạt Nguyên văn võ toàn tài như Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Quang Khải, Trần Nhật Duật...

Tiếp sau là vai trò chủ đạo của văn hóa thời Lê với Nguyễn Trãi, Lê Quý Đôn, Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Du và sự phát triển rực rỡ của văn hóa dân gian thời Lê Mạc.

3. Thời kỳ tiếp xúc với văn minh phương Tây :

[TOP](#)

a. Thời kỳ văn hóa Đại Nam :

Đánh dấu bằng sự phục hồi Nho giáo pháp trị thời Nguyễn Gia Long và sự giao lưu với văn hóa phương Tây. Đây là thời kỳ Gia Long Thống Nhất đất nước nhưng phải trả một cái giá rất đắt trước sự xâm lược ô ạt của văn hóa phương Tây : khởi đầu là các giáo sĩ truyền đạo Thiên Chúa và kết thúc là thực dân Pháp xâm lược, đặt ách thống trị ngót một trăm năm. Nền văn hóa mà cha ông dày công xây dựng đã bị nhấn chìm trước ánh sáng hào nhoáng của văn minh cơ giới.

b. Thời kỳ văn hóa xã hội chủ nghĩa : bắt đầu ở Miền Bắc từ năm 1945 và Miền Nam từ năm 1975.

Giao lưu văn hóa rộng rãi với Liên Xô và các nước Đông Âu.

Trên đây ta đã điểm qua tiến trình lịch sử của dân tộc và ta thấy rằng : VỊ TRÍ GIAO ĐIỂM CỦA CÁC LUỒNG VĂN HÓA phải hòa nhập để sống còn chính là đặc điểm quan trọng nhất của văn hóa Việt Nam. Và sản phẩm chữ Nôm, chữ quốc ngữ hình thành trong điều kiện thực tế này.

VĂN HÓA NHẬN THỨC : VŨ TRỤ QUAN VÀ NHÂN SINH QUAN NGƯỜI VIỆT.

- I. NGUYÊN LÝ ÂM DƯƠNG
- II. BÁT QUÁI LÀ GÌ?
- III. NGŨ HÀNH LÀ GÌ?
 - 1. Ngũ hành trong đời sống hàng ngày
 - 2. Xác định lịch CAN -CHI

I. NGUYÊN LÝ ÂM DƯƠNG :

Nhận thức đầu tiên của loài người về thế giới chung quanh (vũ trụ quan) và về chính bản thân con người (nhân sinh quan) có lẽ là nhận thức về hai lực đối kháng, nhị nguyên, di vật.

ÂM

Nữ (mái, cái)
Mềm
Tĩnh
Thụ động
Hướng nội
Hôn trầm
Ôn định
Chẩn
Vuông
Lạnh, ẩm thấp
Tối
Đông
Bắc
Tím (tử ngoại)
Đậm (mặt trăng)
Cao (duy tâm)
Thứ (âm giai)
Đất, mẹ (tượng trưng)
Không gian
Viết (Không Tử)

DƯƠNG

Nam (đực, trống)
Cứng
Động
Chủ động
Hướng ngoại
Bồng bột (trạo cử)
Phát triển
Lẻ
Tròn
Nóng, khô ráo.
Sáng
Hè
Nam
Đỏ (hồng ngoại)
Ngày (mặt trời)
Thấp (hướng tâm)
Trưởng (âm giai)
Trời, cha.
Thời gian
Nói (Bụt Thích Ca, Chúa...

Vận dụng :

	ÂM	DUƠNG
	Mùa thu	
dài lắm	Nửa chân	Tóc ngắn
thành	Nửa ngọt	Nửa gian dối để...
ngào	Bình ***	Cay đắng tôi mang
	Con tàu	Phương Nam
phía Bắc	Miền Trung	Sông Hậu
	Chờ nhau	Lặng lẽ

Đúc kết những mối quan hệ đối lập này loài người đã xây dựng lý luận nhị nguyên sơ khai và dần dần phát triển hoàn chỉnh bằng NGUYÊN LÝ ÂM DUƠNG, mà trong đó các dân tộc Á Đông đã áp dụng vào đời sống hằng ngày, một cách tự phát và khoa học. Nguyên lý âm dương có hai đặc trưng cơ bản :

a) Không có gì hoàn toàn âm hoặc hoàn toàn dương,

b) Trong âm có dương, trong dương có âm. Âm dương luôn chuyển hóa lẫn nhau.

Biểu tượng Thái cực đồ trong kinh Dịch của Trung Hoa phản ánh toàn mỹ hai đặc điểm trên.

Hình

Và chính từ đây đã sản sinh ra triết học thực nghiệm trung dung, trung đạo làm nền tảng cho cuộc sống của các dân tộc phương Đông, trong đó có Việt Nam.

II. Bát quái là gì.

[TOP](#)

Là tám ký hiệu, hay tám quẻ, người Trung Hoa cổ sáng tạo để giải thích và khám phá sự sống theo nguyên lý âm dương. Tương truyền bát quái do vị vua đầu tiên là Phục Hy phát kiến. Sau đó được bổ sung và hoàn thiện bởi Chu Văn Vương nên còn được gọi là Chu Dịch.

CÀN : Trời, khang kiện , cha

KHÔN : Đất, thu nhận, mẹ.

CHẤN : Sấm sét, cải cách, Trưởng Nam.

TÔN : Gió, bí mật, trưởng nữ.

KHẢM : Nước , khiêm tốn, Trung Nam.

LY : Lửa, mãnh liệt, Trung nữ.

CẤN : Núi, dừng lại, Thiếu nam.

ĐOÀI : Ao hồ, thỏa mãn, Thiếu nữ.

Trên đây là 8 quẻ đơn. Nếu ta đem hai quẻ đơn chồng lên nhau ta sẽ có quẻ kép, ví dụ .
Và như vậy hoán vị các quẻ đơn ta có 64 quẻ kép. Các triết gia và khoa học gia Phương Đông đã dùng hệ thống bát quái này để xây dựng nền văn hóa tối cổ và giải thích mọi hiện tượng của sự sống trên tinh thần biện chứng. Ngày nay hệ thống này vẫn còn giữ nguyên giá trị và là kho tàng vô giá của loài người.

BIỂU ĐỒ 64 QUẺ KÉP.

Ngũ hành là năm trạng thái chuyển hóa liên tục của âm dương theo một chu trình kín.

Sau phát kiến nguyên lý âm dương của lịch, ngũ hành là phát kiến lớn thứ hai giúp người phương đông nông nghiệp khám phá và đúc kết những qui luật tự nhiên và xã hội một cách khoa học và biện chứng.

Từ việc quan sát và đặt tên cho những ngôi sao trên trời, xác định chu trình thời gian của trái đất (nhật, nguyệt, hỏa, thủy, mộc, kim, thổ : Sunday, Monday, Tuesday, Wednesday, Thursday, Friday, Saturday)... đến việc ứng dụng vào giải thích cơ thể sinh lý của con người (lục phủ, ngũ tạng, ***), xây dựng cả một học thuyết đồ sộ về y học, xã hội học...làm nên diện mạo của một vùng văn hóa. Ta thử lấy ví dụ về ngũ hành trong năm cách tác văn của người xưa :

Mỗi lời viết ra phải lấp lánh như vàng (Kim), khi thì sần sùi như gỗ (Mộc), lúc uyển chuyển như nước (Thủy), lúc mãnh liệt như hỏa lửa (hỏa), và bao trùm lên tất cả - dưới bút như có khói mây, trong ngiên chứa cả tạo hóa - thì duy có đất (Thổ), mà đất vốn im lặng, vì thế kẻ nào chưa biết giữ im lặng chưa viết được văn.

SƠ ĐỒ BẢN CHẤT NGŨ HÀNH.

1. Ngũ hành trong đời sống hàng ngày :

NGŨ HÀNH	THỦY	HỎA	MỘC	KIM	THỔ
Tương sinh Tương khắc Số hà đồ Âm dương	Thái âm	Thái dương	Thiếu âm	Thiếu dương	Trung hòa
Vật chất Phương hướng Màu sắc	Nước Bắc Đen	Lửa Nam Đỏ	Cây Đông Xanh	Kim loại Tây Trắng	Đất Trung ương Vàng
Thế đất	Ngoài ngòeo	Nhọn	Dài	Tròn	Vuông
Vật biểu	Có vảy cứng : rùa	Có lông vũ : chim	Thú hiền : Rồng, lân	Có lông mao : hổ	Người
Thời tiết Khí hậu Mùi vị	Đông Lạnh Mặn	Hạ Nắng Đắng	Xuân Gió Chua	Thu Khô Cay	Tháng cuối mỗi mùa Âm Ngọt
Tạng Phủ	Thận Bàng quang Tai	Tâm Tiểu tràng	Can Đờm	Phế Đại tràng	Tỳ Vị
Ngũ quan Thể chất	Xương tủy	Lưỡi Huyết mạch	Mắt Gân	Mũi Da, Lông	Miệng Thịt

2. Xác định lịch Can - Chi :

TOP

Viãút Nam	1. Thủy		2. Hỏa		3. Mộc		4. Kim		5. Thổ		Trung hoa
	+	-	+	-	+	-	+	-	+	-	
	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	
	1. Thủy		2. Hỏa		3. Mộc		4. Kim		5. Thổ		

VĂN HÓA TỔ CHỨC ĐỜI SỐNG

- A. ĐỜI SỐNG XÃ HỘI
 - I. Tổ chức nông thôn
 - II. Tổ chức quốc gia
 - III. Tổ chức đô thị
- B. ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT
 - I. Văn hóa ăn uống: Dĩ thực vi tiên, có thực mới vực được đạo
 - II. Mặc và trang điểm
 - III. Nhà ở và thuật phong thủy
- C. ĐỜI SỐNG TINH THẦN VÀ TÂM LINH
 - I. Tính ngưỡng cổ truyền
 - II. Phong tục
 - III. Văn hoá giao tiếp xã giao
 - IV. Nghệ thuật diễn xướng
 - V. Nghệ thuật tạo hình
- D. ĐỜI SỐNG TÂM LINH
 - I. Nội dung cơ bản của Nho Giáo và ảnh hưởng của văn hoá Trung Hoa đối với văn hoá Việt Nam
 - II. Lão Tử và tác phẩm Đạo Đức Kinh
 - III. Nguồn gốc của đạo Phật và ảnh hưởng của Phật Giáo với văn hoá Việt Nam
 - IV. Ảnh hưởng văn hóa phương Tây: Ki - Tô giáo và chữ quốc ngữ

A. ĐỜI SỐNG XÃ HỘI :

I. Tổ chức nông thôn :

Bao gồm năm hình thức tổ chức cơ bản.

- 1. Tổ chức theo địa bàn cư trú : xóm, làng, miệt...
- 2. Tổ chức theo huyết thống : cùng họ, cùng dòng tộc (Lê Xá, Đỗ Xá, Trần Xá ...)
- 3. Tổ chức theo giáp (đàn ông) : Thiếu niên - Đình tráng - Lão.
- 4. Tổ chức theo làng nghề : chài, đan (lưới, tre, mây), làm lưới câu trồng hoa, tạc đá...
- 5. Tổ chức theo hành chánh : thôn xã, ... với hệ thống quản lý nhà nước.

II. Tổ chức quốc gia :

TOP

- 1. Chế độ trung ương tập quyền (Vua- quan - dân)
- 2. Bốn hạng dân (tứ nhân), chia theo nghề nghiệp : sĩ, nông, công, thương.
- 3. Hệ thống khoa bảng :

Tên khoa thi		Hình thức thi	Xếp loại	Danh hiệu, học vị người đỗ.	Dân gian	Người đỗ đầu (thủ khoa)	
A Thi hương		Tam trường (3 kỳ)	II	Sinh đồ Tú tài (từ 1829)	Ô. Đồ Ô. Tú	Giải nguyên	TAM NGUYỄN
		Tứ trường (4 kỳ)	I	Hương cống Cử nhân (từ 1829)	Ô. Cống Ô. Cử		
Đại hoa	B Thi hội	Tứ trường (nhà Hồ thêm kỳ 5 thi Toán)	II	Phó bảng (từ 1829)	Ô. Phó Bảng	Hội nguyên	
			I	Thái học sinh Tiến sĩ (từ 1374)	Ô. Nghè		
	C Thi	Thi trong	Tam	TS đệ tam giáp (bậc ba)	Ô. Nghè	Đệ nh	

	đình (điện thí)	nội điện, đề do vua ra, vua trực tiếp tham gia chấm	giai (Từ 1247)	Đồng TS xuất thân			nguyên		
				TS đệ nhị giáp (bậc hai) TS xuất thân, Hoàng Giáp.					Ô. Hoàng
				TS đệ nhất giáp, TS cập đệ	Tam khôi (từ 1244)	3. Thám Hoa			Ô. Thám
						2. Bảng Nhãn			Ô . Bảng
					1. Trạng Nguyên	Ô . Trạng			

III. Tổ chức đô thị :

[TOP](#)

1. Tổ chức do nhu cầu hành chính :

- a. Chức năng hành chính quyết định sự phát triển hoặc lạc hậu của đô thị.
- b. Chức năng thương mại đóng vai trò phụ thỏa mãn nhu cầu đời sống.

2. Quy luật tổ chức đô thị : ảnh hưởng của quy luật âm dương.

3. Ảnh hưởng của tổ chức nông thôn trong tiến trình đô thị hóa (huyện--quận, xã-- phường : phường vải, phường chèo, phường chần trâu...)

4. Các đô thị chủ yếu của Việt Nam :

- Xưa và nay.

5. Vùng văn hóa và danh nhân văn hóa :

- Quan niệm phương Đông về địa linh sinh nhân kiệt.

B. ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT.

I. Văn hóa ăn uống : dĩ thực vi tiên, có thực mới vực được đạo.

[TOP](#)

- Nguồn gốc nông nghiệp : lúa, rau, quả là thực phẩm chủ yếu.
- Nền tảng triết lý : sống hòa với thiên nhiên (quan niệm truyền thống - quan niệm tam giáo)
- Cơ cấu cân bằng âm dương của bữa ăn.
- Tính tổng hợp của (dung hóa) của tư duy ẩm thực người Việt (món ăn rừng/ trung du/ đồng bằng/ châu thổ/ biển)

1. Truyền thống văn hóa ăn uống gắn liền với ngôn ngữ và văn học dân gian :

- Hai tay bung bát cơm đầy
Đẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần.

- Cơm tẻ là mẹ ruột.
 - Có thực mới vực được đạo.
 - Ăn trông nồi, ngồi trông hướng.
 - Cơm với cá như mẹ với con.
- Động từ Ăn có mặt trong tất cả các động từ chỉ những hoạt động thực tiễn hằng ngày : ăn uống, ăn mặc, ăn ngủ, ăn ở, ăn chơi, ăn nằm, ăn học, ăn cướp, ăn gian, ăn vụng, ăn trộm, ăn hôn, ăn hàng (lấy hàng hóa), ăn ảnh...

2. Truyền thống Ăn Uống chịu ảnh hưởng của tính ngưỡng, tôn giáo và giao lưu văn hóa :

- Ảnh hưởng tập tục truyền thống.
- Aính hưởng triết học Khổng Mạnh.
- Aính hưởng đạo Phật : ăn chay.
- Aính hưởng văn hóa Phương Tây.
 - Thức ăn nguội.
 - Thức ăn nhân đạo.
 - Thức ăn nhanh (Para foot)

II. Mặc và trang điểm :

[TOP](#)

1. Ăn và mặc, nông và tang (tức làm ruộng và trồng dâu) là hai vấn đề mấu chốt của cuộc sống hình thành nên triết lý sống còn của người Việt, mà GS. Lê Văn Siêu đã nói trong tác phẩm Việt Nam văn minh sử cương của ông. Tác phẩm được xem như viên đá đầu tiên đặt nền tảng khoa học cho ngành Văn Hóa Học Việt Nam.

- Nghề dệt tơ lụa.
- Nghề làm hàng thổ cẩm.
- Nghề đan len, sợi, tơ, lá, chằm nón...
- Trồng bông vải.

2. Ảnh hưởng của văn hóa Việt Cổ trong mặc và trang điểm.

1. Aính hưởng của giao lưu văn hóa với Trung Hoa và Phương Tây.

III. Nhà ở và thuật phong thủy :

[TOP](#)

- Triết lý nhân sinh về nhà ở.
- Aính hưởng của môi trường địa lý đối với việc cư trú.
- Aính hưởng của văn hóa Trung Hoa, Ấn Độ và Phương Tây.
- Sơ đồ một ngôi nhà truyền thống của người Việt :
 - Ba gian/ hai chái.
 - Bàn thờ/ trang thờ tổ tiên ngay giữa nhà.
 - Phán gỗ giữa bàn thờ.

Tổ tiên.

- Luôn có mặt cùng con cái/ chứng kiến mọi sinh hoạt trong gia đình/ màn che trước bàn thờ.

C. ĐỜI SỐNG TINH THẦN VÀ TÂM LINH :

I. Tín ngưỡng cổ truyền :

[TOP](#)

1. Sùng bái tự nhiên.

- Tục thờ đất, nước, cây, thú chung quanh.
- Tục thờ thần lúa, thần bếp, thần, với lòng biết ơn.

2. Sùng bái sự sinh sản : tín ngưỡng phồn thực cổ.

- Tập tục dân gian trong tín ngưỡng phồn thực.
- Ảnh hưởng của triết học Lingam Ấn Độ.

3. Sùng bái con người.

- Tục thờ cúng tổ tiên.
- Đạo ông bà dưới ảnh hưởng của tam giáo.

II. Phong tục :

1. Phong tục hôn nhân :

- Hôn nhân dị tộc.
- Hôn nhân và ảnh hưởng của tư tưởng Nho giáo.
- Hôn nhân và ảnh hưởng của Phật giáo.
- Hôn nhân phản ánh trong văn học dân gian.
 - + Má ơi đừng gả con xa.
 - + Má ơi - Gần
 - + Nhẫn kiêng.
 - + 5 điều nguyện.

2. Phong tục sinh đẻ và nuôi dưỡng :

- Các quan niệm về cầu tự, cúng mụ, bán khoán...
- Lòng hiếu thảo của người Việt và ảnh hưởng của văn hóa Phương Đông. - Mỗi khi nắng - đứng ngồi không yên.

3. Phong tục tang ma :

- Quan niệm về sinh tử (chết không có nghĩa là hết)
- Ảnh hưởng sâu đậm của Phật giáo trong quan niệm luân hồi, nghiệp báo, nhân quả.
- Lễ cầu siêu và làm tuần.
- Mộ táng và hỏa táng.

4. Lễ Tết và lễ Hội :

- Vai trò của lễ Tết trong dòng chảy thời gian.

Sợi dây nối kết Tổ Tiên Huyết Thống và Tổ Tiên Tâm Linh.

- Vai trò của lễ hội trong làng xóm không gian : Giao lưu văn hóa giữa các địa phương, tinh thần hiếu biết, thương yêu và đoàn kết.

III. Văn hóa giao tiếp : xã giao

[TOP](#)

- Tính cách người Việt trong giao tiếp.
- Đặc điểm nông nghiệp của tinh thần trọng tình, trọng nghĩa.
- Nghi thức giao tiếp : quan hệ gia đình hóa: xưng khiêm, hô tôn.
- Đặc trưng riêng trong văn hóa giao tiếp của mỗi vùng đất.
- Ảnh hưởng Nho giáo trong văn hóa giao tiếp.
- Ảnh hưởng của Phật giáo trong văn hóa giao tiếp.
- Ảnh hưởng của văn hóa Phương Tây (bắt tay, ôm hôn...)
- Vai trò của chữ viết trong văn hóa giao tiếp.

(chữ Việt Cổ, Hán Tự, chữ Nôm và chữ Quốc ngữ A, B, C)

IV. Nghệ thuật diễn xướng :

[TOP](#)

1. Âm nhạc và nhạc cụ.
2. Vai trò của bộ gõ trong dàn nhạc cổ Việt Nam.

3. Dân ca/ ca nhạc tài tử.
4. Các loại hình sân khấu.
 - Múa rối nước.
 - Chèo
 - Hát bội.
 - Cải lương.

V. Nghệ thuật tạo hình :

[TOP](#)

1. Hội họa :

Chịu ảnh hưởng sâu đậm của triết lý Âm Dương. Các kết cấu đều cân đối, hài hòa. Mô hình ngũ hành được triệt để khai thác.

- Tính biểu trưng, ước lệ là đặc điểm nổi bật của tư duy nghệ thuật Á Đông, trong đó có Việt Nam.
- Những chuẩn mực mang yếu tố định chế : Long, Lân, Quy, Phụng (Tứ Linh) - Mai, Lan, Cúc, Trúc (Tứ Quý).
- Hội họa dân gian mang đậm yếu tố hài.

2. Kiến trúc :

Chịu ảnh hưởng sâu đậm của triết lý Âm Dương và Mỹ học Phật giáo (Những kiến trúc đẹp và có giá trị nhất đều là sản phẩm của văn hóa Phật giáo : chùa Một Cột, chùa Tây Phương, chùa Thiên Mụ, hệ thống chùa Khme Nam Bộ)

Không mang yếu tố thần linh, thông thiên mà mang yếu tố biện chứng (chỉ : núi, dừng lại, thiền định).

3. Nghệ thuật Chạm :

Còn lại hai di sản quý báu đó là Tượng Đá tôn giáo và quần thể tháp gạch.

- Tư liệu về cổ viện Chàm (Đà Nẵng).
- Quần thể Trà Kiệu, Mỹ Sơn, Đồng Dương, Đồ Bàn, Ponaga (tháp Bà)...

D. ĐỜI SỐNG TÂM LINH.

[TOP](#)

Trước khi Ki - Tô giáo truyền vào Việt Nam, đời sống tâm linh của dân tộc Việt Nam chịu ảnh hưởng sâu đậm của nền giáo lý Tam Giáo : Nho - Phật - Lão. Mặc dù Nho Giáo và Lão Giáo là hai học thuyết triết học nhưng người Việt đã thờ phượng và xem như là một thứ Đạo của mình.

I. Nội dung cơ bản của Nho giáo và ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa đối với văn hóa Việt Nam.

1. ***Nguồn gốc : Khổng Tử và công việc Tập đại thành. Khổng Tử và các học trò kế tục.***
2. ***Nội dung giáo lý :***
Tứ thư : Luận ngữ, Mạnh Tử, Trung Dung, Đại Học.
Ngũ kinh : Thi, Thư, Lễ, Kinh Xuân Thu, Dịch.
3. ***Sự tiếp thu và thực hiện Nho giáo ở Việt Nam.***

II. Lão Tử và tác phẩm Đạo Đức Kinh :

[TOP](#)

1. ***Tiểu sử Lão Tử.***
Trang Tử và Nam Hoa Kinh.
2. ***Nội dung Đạo Đức Kinh .***

Ý nghĩa và ảnh hưởng to lớn của Đạo Đức Kinh trong đời sống văn hóa người Việt.

III. Nguồn gốc đạo Phật và ảnh hưởng của Phật giáo với văn hóa Việt Nam.

1. ***Nguồn gốc Đạo Phật .***
 - Quá trình hình thành và ra đời của Phật Giáo Ấn Độ.
 - Đạo Phật đến Việt Nam.
 - Giáo lý căn bản của Phật giáo.

- Vai trò chủ đạo của Phật giáo trong nền văn hóa dân tộc.
(phải) Khổng tử - Bụt - Lão Tử (trái).

2. *Ảnh hưởng của Phật giáo với văn hóa Việt Nam.*

- Triết lý nhân quả, luân hồi, nghiệp báo trong đời sống người Việt và các cộng đồng Hoa, Khme.
- Vai trò của chùa chiền trong đời sống người Việt.
- Những đóng góp to lớn của Phật giáo cho nền văn hóa Việt Nam.

IV. *Ảnh hưởng của văn hóa Phương Tây : Ki-Tô giáo và chữ quốc ngữ.*

[TOP](#)

- Quá trình truyền đạo.
- Vai trò của giáo sĩ Alexanre de Rhodes.
- Nền nhạc mới và ký âm pháp Phương Tây.